

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, Ấp 1, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Ấp 2, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (nhà bà Huỳnh Thị T).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 1, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn S tự tìm hiểu từ năm 1988 đến năm 1991 thì bắt đầu chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới, có làm mâm cơm cúng ông bà, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà và ông S chung sống tại ấp 2, xã Bàu Cạn làm công nhân nông trường cao su, sau đó sinh sống tại ấp 4 và cuối cùng ở ấp 1, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian chung sống, bà và ông S chung sống không hạnh phúc nhưng do bà nghĩ là không có giấy đăng ký kết hôn không thể ly hôn nên bà không làm đơn ly

hôn. Bà và ông S mâu thuẫn trầm T từ khoảng năm 1995 do ông S có quan hệ tình cảm với người khác nhưng bà không có chứng cứ chứng minh. Trong thời gian chung sống, ông S cũng thường xuyên đánh đập bà. Đến năm 2018, bà bỏ ra ngoài thuê phòng trọ tại xã Long Phước sinh sống, ông S cũng thường xuyên ra chơi và ngủ lại. Khoảng 01 tháng nay thì bà về nhà mẹ ruột tại ấp 2, xã Bàu Cạn sinh sống và ly thân ông S cho tới nay. Nay bà yêu cầu ly hôn ông S.

Về con chung: Có 04 con chung:

- + Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1992.
- + Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1995.
- + Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/5/2002.
- + Nguyễn Văn T2, sinh ngày 09/11/2006.

Hiện nay, cháu H, C, T đã thành niên và có khả năng lao động. Đối với cháu T, ông S có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con thì bà đồng ý giao cháu T cho ông S nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị C tự tìm hiểu từ năm 1988 đến năm 1991 thì bắt đầu chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông và bà C chung sống tại ấp 1 và sau đó ở ấp 4, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian chung sống, ông và bà C chung sống hạnh phúc. Đến năm 2006, bà C có quan hệ tình cảm với người khác nên giữa ông và bà C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng do thương con nên vẫn tiếp tục chung sống cho đến nay. Năm 2018, bà C ra ngoài thuê phòng trọ tại xã LP để sinh sống nhưng vẫn thường xuyên về nhà ngủ, ông vẫn thường ra phòng trọ của bà C để chơi. Đến đầu năm 2021, thì bà C bỏ đi nơi khác thuê phòng trọ tại huyện Nhơn Trạch nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể, từ đó đến nay ông và bà C sống ly thân. Nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 04 con chung:

- + Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1992.
- + Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1995.
- + Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/5/2002.
- + Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/11/2006.

Hiện nay, cháu H, C, T đã thành niên và có khả năng lao động. Đối với cháu T trước đây sinh sống với bà C nhưng hiện tại không biết cháu T đang sinh sống tại đâu, ông không thể cung cấp địa chỉ của cháu T cho Tòa án. Nay ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích, thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S chung sống với nhau từ năm 1991, không đăng ký kết hôn do vậy quan hệ giữa bà C và ông S không được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn bà C yêu cầu ly hôn với ông S nên căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông S. Về con chung: Bà C và ông S có 04 con chung tên Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/5/2002 và Nguyễn Văn Tài, sinh ngày 09/11/2006. Các cháu H, C và T đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét. Riêng đối với cháu T, ông S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con, bà C đồng ý, cháu T cũng có nguyện vọng được sống với bố. Vì vậy, cần giao cháu T cho ông S nuôi dưỡng, tạm thời bà C không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông S.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S trình bày ông bà chung sống với nhau từ năm 1991, không tổ chức lễ cưới nhưng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn thể hiện từ năm 1991 đến ngày 23/4/2021 (ngày xác minh) bà C và ông S không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn. Như vậy, bà C và ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận bà C và ông S là vợ chồng. Do đó, có căn cứ không công nhận bà C và ông S là vợ chồng.

Về con chung: Bà C và ông S có 04 con chung tên Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/5/2002 và Nguyễn Văn Tài, sinh ngày 09/11/2006. Đối với các cháu H, C, T đã thành niên và có khả năng lao động, bà C và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu T, xét thấy ông S có yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, cháu T có nguyện vọng được sống với ông S và bà C đồng ý giao cháu T cho ông S nuôi dưỡng nhưng ông S vắng mặt tại phiên tòa nên không thể ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà C và ông S. Do đó, cần xử giao cháu T cho ông S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Về cấp dưỡng: Ông S không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn S. Do đó, bà C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng bà C được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005394 ngày 11/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 04 con chung:

+ Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1992.

+ Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1995.

+ Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/5/2002.

+ Nguyễn Văn Tài, sinh ngày 09/11/2006.

Các cháu Nguyễn Thị Ánh H, Nguyễn Thị Ngọc C và Nguyễn Văn T đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

Xử giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/11/2006 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà C và ông S vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005394 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (bà C đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã BC;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng, Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng

